

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2018

1. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng Đề án)

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

Tên trường: **Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị**

Mã trường: **C32**

Sứ mệnh của nhà trường:

Đào tạo đội ngũ cán bộ, giáo viên và nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục - văn hoá - kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Trị, khu vực và quốc gia; giữ vững vị trí của trường trong hệ thống giáo dục đại học. Phân đấu xây dựng và phát triển thành một trường đại học cộng đồng.

Địa chỉ: **Km3, Quốc lộ 9, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị**

Tel: **(0233) 3580793**

Fax: **(0233) 3582210**

Website: **www.qtttc.edu.vn**

Email: **cdspqt@qtttc.edu.vn**

1.2. Quy mô đào tạo

Khối ngành/ Nhóm ngành*	Quy mô hiện tại							
	NCS	Học viên CH	ĐH		CDSP		TCSP	
			GD chính quy	GD TX	GD chính quy	GD TX	GD chính quy	GD TX
Khối ngành I					414	56	36	
Khối ngành II								
Khối ngành III								
Khối ngành IV								
Khối ngành V								
Khối ngành VI								
Khối ngành VII								
Tổng (ghi rõ cả số NCS, học viên cao học, SV ĐH, CD, TC)					414	56	36	

Nhóm ngành*: Nhóm ngành đào tạo giáo viên

1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Năm 2016

Trường tiến hành xét tuyển theo hai phương thức như sau:

Phương thức 1: Dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc Gia năm 2016.

Phương thức 2: Dựa vào kết quả học tập trung học phổ thông:

+ Đã tốt nghiệp THPT.

+ Điểm trung bình các môn tương ứng tổ hợp các môn xét tuyển theo từng ngành trong 5 học kỳ của các lớp 10, lớp 11 và học kỳ I lớp 12.

Thi các môn năng khiếu:

Thí sinh dự tuyển vào các ngành Giáo dục Mầm non, Sư phạm Âm nhạc và Sư phạm Mỹ thuật phải dự thi các môn sau:

+ Ngành Giáo dục Mầm non thi môn Đọc diễn cảm và hát (Các môn Văn và Toán được xét theo phương thức 1 hoặc phương thức 2);

+ Ngành SP Âm nhạc thi hai môn: Thảm âm-tiết tấu, Thanh nhạc (Môn Văn hoặc Toán được xét theo phương thức 1 hoặc phương thức 2);

+ Ngành SP Mỹ thuật thi hai môn Hình họa, Trang trí (Môn Văn hoặc Toán được xét theo phương thức 1 hoặc phương thức 2).

Năm 2017

Trường tiến hành xét tuyển theo hai phương thức như sau:

Phương thức 1: Dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc Gia năm 2017.

Phương thức 2: Dựa vào kết quả học tập trung học phổ thông:

Điểm trung bình các môn của năm học lớp 12 tương ứng với tổ hợp các môn xét tuyển theo từng ngành.

Thi năng khiếu:

Thí sinh dự tuyển vào các ngành Giáo dục Mầm non, Sư phạm Âm nhạc và Sư phạm Mỹ thuật phải nộp hồ sơ để dự thi các môn sau:

+ Ngành Giáo dục Mầm non thi môn Đọc diễn cảm và hát (Các môn Văn và Toán được xét theo phương thức 1 hoặc phương thức 2);

+ Ngành SP Âm nhạc thi hai môn: Thảm âm-tiết tấu, Hát (Môn Văn hoặc Toán được xét theo phương thức 1 hoặc phương thức 2);

+ Ngành SP Mỹ thuật thi hai môn Hình họa, Trang trí (Môn Văn hoặc Toán được xét theo phương thức 1 hoặc phương thức 2).

1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh 2016			Năm tuyển sinh 2017		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
Nhóm ngành I	315	228		252	155	
- Ngành GD Mầm non <i>Tổ hợp 1: Văn, Toán, Đọc diễn cảm+Hát</i>		137	10	80	97	15
- Ngành GD Tiểu học <i>Tổ hợp 1: Toán, Văn, Anh</i> <i>Tổ hợp 2: Toán, Văn, Sinh</i> <i>Tổ hợp 3: Toán, Văn, Sử</i> <i>Tổ hợp 4: Toán, Văn, Địa</i>		69	10	60	44	10
- Ngành SP Toán học <i>Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa</i> <i>Tổ hợp 2: Toán, Lý, Anh</i> <i>Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Sinh</i> <i>Tổ hợp 4: Toán, Văn, Anh</i>		6	10	10	4	10
- Ngành SP Tin học <i>Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa</i> <i>Tổ hợp 2: Toán, Lý, Anh</i> <i>Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Sinh</i> <i>Tổ hợp 4: Toán, Văn, Anh</i>				10	0	10
- Ngành SP Vật lý <i>Tổ hợp 1: Lý, Toán, Anh</i> <i>Tổ hợp 2: Lý, Hóa, Toán</i> <i>Tổ hợp 3: Lý, Sinh, Toán</i> <i>Tổ hợp 4: Lý, Văn, Anh</i>		1	10	10	1	10
- Ngành SP Hóa học <i>Tổ hợp 1: Hóa, Toán, Anh</i> <i>Tổ hợp 2: Hóa, Lý, Toán</i> <i>Tổ hợp 3: Hóa, Sinh, Toán</i> <i>Tổ hợp 4: Hóa, Văn, Anh</i>		1	10	10	1	10

- Ngành SP Sinh học <i>Tổ hợp 1: Sinh, Hóa, Toán</i> <i>Tổ hợp 2: Sinh, Hóa, Văn</i> <i>Tổ hợp 3: Sinh, Toán, Anh</i> <i>Tổ hợp 4: Sinh, Lý, Hóa</i>				10	0	10
- Ngành SP Ngữ văn <i>Tổ hợp 1: Văn, Sử, Địa</i> <i>Tổ hợp 2: Văn, Anh, Sử</i> <i>Tổ hợp 3: Văn, Anh, Địa</i> <i>Tổ hợp 4: Văn, Anh, Toán</i>				10	0	10
- Ngành GD công dân						
- Ngành SP Lịch sử <i>Tổ hợp 1: Sử, Địa, Văn</i> <i>Tổ hợp 2: Sử, Toán, Văn</i> <i>Tổ hợp 3: Sử, Anh, Văn</i> <i>Tổ hợp 4: Sử, Địa, Toán</i>				10	0	10
- Ngành SP Địa Lý <i>Tổ hợp 1: Địa, Sử, Văn</i> <i>Tổ hợp 2: Địa, Toán, Văn</i> <i>Tổ hợp 3: Địa, Anh, Văn</i> <i>Tổ hợp 4: Địa, Sử, Toán</i>				10	0	10
- Ngành SP Tiếng Anh <i>Tổ hợp 1: Anh, Toán, Văn</i> <i>Tổ hợp 2: Anh, Toán, Lý</i> <i>Tổ hợp 3: Anh, Văn, Sử</i> <i>Tổ hợp 4: Anh, Văn, Địa</i>		7	10	16	8	10
- Ngành SP Âm nhạc <i>Tổ hợp 1: Thảm âm-Tiết tấu, Hát, Văn</i> <i>Tổ hợp 2: Thảm âm-Tiết tấu, Hát, Toán</i>		7	10	8	0	10
- Ngành SP Mỹ thuật <i>Tổ hợp 1: Hình Họa, Trang Trí, Văn</i> <i>Tổ hợp 2: Hình Họa, Trang Trí, Văn</i>				8	0	10
Tổng	315	228	X	252	155	X

2. Các thông tin của năm tuyển sinh

2.1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh được tham gia tuyển sinh nếu đạt các điều kiện sau:

a. Đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp trung học.

Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ GDĐT.

b. Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

c. Dự thi các môn năng khiếu (đối với các ngành Giáo dục Mầm non, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật)

d. Có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Trị.

2.2. Phạm vi tuyển sinh

Chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Trị.

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Trường tiến hành xét tuyển theo hai phương thức như sau:

Phương thức 1: Dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc Gia năm 2018.

Phương thức 2: Dựa vào kết quả học tập trung học phổ thông (Học bạ):

Điểm trung bình các môn của năm học lớp 12 tương ứng với tổ hợp các môn xét tuyển theo từng ngành.

Thi năng khiếu:

Thí sinh dự tuyển vào các ngành Giáo dục Mầm non, Sư phạm Âm nhạc và Sư phạm Mỹ thuật phải nộp hồ sơ để dự thi các môn sau:

+ Ngành Giáo dục Mầm non thi môn Đọc diễn cảm và hát (Các môn Văn và Toán được xét theo phương thức 1 hoặc phương thức 2);

+ Ngành SP Âm nhạc thi hai môn: Thẩm âm-tiết tấu, Hát (Môn Văn hoặc Toán được xét theo phương thức 1 hoặc phương thức 2);

+ Ngành SP Mỹ thuật thi hai môn Hình họa, Trang trí (Môn Văn hoặc Toán được xét theo phương thức 1 hoặc phương thức 2).

2.4. *Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo*

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
			theo xét KQ thi THPT QG	Theo xét KQ học tập năm lớp 12	Mã tổ hợp môn	Mô n chí nh	Mã tổ hợp môn	Mô n chí nh	Mã tổ hợp môn	Mô n chí nh	Mã tổ hợp môn	Mô n chí nh
CAO ĐẲNG SƯ PHẠM												
1	51140201	Giáo dục Mầm non	13	32	M00							
2	51140202	Giáo dục Tiểu học	13	32	D01		B03		C03		C04	
3	51140204	Giáo dục công dân	3	7	C00		D14		D15		D01	
4	51140210	Sư phạm Tin học	6	14	A00		A01		B00		D01	
5	51140211	Sư phạm Vật lý	3	7	A01		A00		A02		D11	
6	51140212	Sư phạm Hóa học	3	7	D07		A00		B00		C08	
7	51140213	Sư phạm Sinh học	3	7	B00		C08		D08		A02	
8	51140218	Sư phạm Lịch sử	3	7	C00		C03		D14		A07	
9	51140219	Sư phạm Địa lý	3	7	C00		C04		D15		A07	
10	51140231	Sư phạm Tiếng Anh	6	14	D01		A01		D14		D15	
11	51140221	Sư phạm Âm nhạc	3	7	N00		N01					
12	51140222	Sư phạm Mỹ thuật	3	7	H00		H07					

2.5. *Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT*

a. *Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào*

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy hiện hành.

b. *Điều kiện nhận ĐKXT*

Hội đồng tuyển sinh của nhà trường sẽ tiếp nhận ĐKXT của thí sinh khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Là đối tượng tuyển sinh được quy định tại mục 2.1 của Đề án này;
- Thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức Dựa vào kết quả học tập trung học phổ thông phải có học lực năm học lớp 12 từ loại Khá trở lên. Riêng

hai ngành Cao đẳng Sư phạm Âm nhạc và Cao đẳng Sư phạm Mỹ thuật thí sinh phải có có học lực năm học lớp 12 từ loại Trung bình trở lên.

- Nộp đủ hồ sơ và lệ phí ĐKXT theo quy định và đúng thời gian được thông báo.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

T T	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển		Điểm chênh lệch giữa các tổ hợp và môn nhân hệ số	Điều kiện phụ trong xét tuyển
			Mã số	Tên tổ hợp		
CAO ĐẲNG SƯ PHẠM						
1	Giáo dục Mầm non	51140201	M00	Toán, Văn, Đọc diễn cảm và Hát	Không có	Môn Đọc diễn cảm và Hát từ 5 điểm trở lên
2	Giáo dục Tiểu học	51140202	D01	Toán, Văn, Anh	Không có	
			B03	Toán, Văn, Sinh		
			C03	Toán, Văn, Sử		
			C04	Toán, Văn, Địa		
3	Giáo dục công dân	51140204	C00	Văn, Sử, Địa	Không có	
			D14	Văn, Sử, Anh		
			D15	Văn, Địa, Anh		
			D01	Văn, Toán, Anh		
4	Sư phạm Tin học	51140210	A00	Toán, Lý, Hóa	Không có	
			A01	Toán, Lý, Anh		
			B00	Toán, Hóa, Sinh		
			D01	Toán, Văn, Anh		
5	Sư phạm Vật lý	51140211	A01	Lý, Toán, Anh	Không có	
			A00	Lý, Hóa, Toán		
			A02	Lý, Sinh, Toán		
			D11	Lý, Văn, Anh		
6	Sư phạm Hóa học	51140212	D07	Hóa, Toán, Anh	Không có	
			A00	Hóa, Lý, Toán		
			B00	Hóa, Sinh, Toán		
			C08	Hóa, Sinh, Văn		
7	Sư phạm Sinh học	51140213	B00	Sinh, Hóa, Toán	Không có	
			C08	Sinh, Hóa, Văn		

			D08	Sinh, Toán, Anh		
			A02	Sinh, Lý, Toán		
8	Su phạm Lịch sử	51140218	C00	Sử, Địa, Văn	Không có	
			C03	Sử, Toán, Văn		
			D14	Sử, Anh, Văn		
			A07	Sử, Địa, Toán		
9	Su phạm Địa lý	51140219	C00	Địa, Sử, Văn	Không có	
			C04	Địa, Toán, Văn		
			D15	Địa, Anh, Văn		
			A07	Địa, Sử, Toán		
10	Su phạm Tiếng Anh	51140231	D01	Anh, Toán, Văn	Không có	
			A01	Anh, Toán, Lý		
			D14	Anh, Văn, Sử		
			D15	Anh, Văn, Địa		
11	Su phạm Âm nhạc	51140221	N00	Thẩm âm – Tiết tấu, Hát, Văn	Không có	Các môn Thẩm âm – Tiết tấu, Hát mỗi môn phải đạt từ 5 điểm trở lên
			N01	Thẩm âm – Tiết tấu, Hát, Toán		
12	Su phạm Mỹ thuật	51140222	H00	Hình họa, Trang trí, Văn	Không có	Các môn Hình họa, Trang trí mỗi môn phải đạt từ 5 điểm trở lên
			H07	Hình họa, Trang trí, Toán		

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

2.7.1. Xét tuyển theo điểm thi của kỳ thi THPT quốc gia

- Năm 2018, trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị tuyển sinh 30% chỉ tiêu cao đẳng đối với các ngành đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng theo phương thức lấy điểm thi 3 môn (theo tổ hợp xét tuyển từng ngành đào tạo) trong số các môn thi theo đề thi THPT quốc gia năm 2018. Trường không tổ chức thi tuyển mà lấy kết quả thi năm 2018 của những thí sinh đã dự kỳ thi THPT quốc gia năm 2018 để xét tuyển, trên cơ sở hồ sơ đăng ký xét tuyển của thí sinh. Điểm xét tuyển các môn thi theo từng ngành.

- Nguồn tuyển:

Chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Trị.

- Việc tổ chức xét tuyển được thực hiện theo các quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Thời gian, hình thức, địa điểm nhận hồ sơ và lệ phí Đăng ký xét tuyển thực hiện thống nhất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi Trung học phổ thông quốc gia.

- Đối với các ngành học Giáo dục Mầm non, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật thí sinh phải tham dự kỳ thi các môn năng khiếu (Môn: Đọc diễn cảm và hát đối với ngành Giáo dục Mầm non; Các môn: Thảm âm – tiết tấu, Hát đối với ngành Sư phạm Âm nhạc; Các môn: Hình họa, Trang trí đối với ngành Sư phạm Mỹ thuật) do trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị tổ chức.

2.7.2. Xét tuyển theo điểm ghi trong học bạ Trung học phổ thông (THPT)

Năm 2018, trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị tổ chức xét tuyển 70% chỉ tiêu đối với các ngành đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng theo điểm trung bình môn học cả năm lớp 12 ghi trong học bạ THPT.

2.7.2.1. Tiêu chí xét tuyển

2.7.2.1.1. Đối với các ngành Giáo dục Mầm non, Sư phạm Âm nhạc và Sư phạm Mỹ thuật

- Thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông và phải tham gia thi các môn năng khiếu phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển.

- Ngưỡng điểm xét tuyển phải đáp ứng quy định của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy hiện hành của Bộ GD&ĐT.

- Điểm các môn Toán, Văn là điểm trung bình môn học cả năm lớp 12 ghi trong học bạ THPT.

- Điểm các môn năng khiếu lấy từ kết quả của kỳ thi năng khiếu do trường CĐSP Quảng Trị tổ chức năm 2018 đạt mỗi môn từ 5 điểm trở lên (theo hệ 10),

- Điểm ưu tiên theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy hiện hành của Bộ GD&ĐT.

- Thí sinh có đầy đủ hồ sơ và lệ phí đăng ký xét tuyển theo quy định.

2.7.2.1.2. Đối với các ngành Giáo dục Tiểu học, Sư phạm Tin học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Sinh học, Giáo dục công dân, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Địa lý, Sư phạm Tiếng Anh.

- Thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông.

- Ngưỡng điểm xét tuyển phải đáp ứng quy định của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy hiện hành của Bộ GD&ĐT.

- Điểm các môn theo tổ hợp xét tuyển là điểm trung bình môn học cả năm lớp 12 ghi trong học bạ THPT.

- Điểm ưu tiên theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy hiện hành của Bộ GD&ĐT.

- Thí sinh có đầy đủ hồ sơ và lệ phí đăng ký xét tuyển theo quy định.

2.7.2.2. Nguồn tuyển

Chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu tại tỉnh Quảng Trị.

2.7.2.3. Hồ sơ phải nộp và quy trình nộp khi đăng ký xét tuyển

a) Hồ sơ thí sinh phải nộp bao gồm:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị.

+ Bản sao học bạ THPT.

+ Bản sao bằng tốt nghiệp THPT (hoặc bản chính giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2018).

+ Bản sao các giấy tờ ưu tiên (nếu có).

Một thí sinh có thể đăng ký xét tuyển tối đa 03 ngành.

Thí sinh chưa thi tốt nghiệp THPT vẫn được nộp hồ sơ xét tuyển nhưng phải bổ sung bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đến hết ngày 27/7/2018 (theo dấu chuyển đi của bưu điện nếu chuyển phát nhanh).

b) Quy trình, thời gian nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển theo học bạ THPT

- Nộp trực tiếp tại trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị hoặc chuyển phát nhanh:

+ Đợt 1: từ ngày 04/6/2018 đến hết ngày 31/7/2018 (theo dấu chuyển đi của bưu điện nếu chuyển phát nhanh).

+ Đợt 2: từ ngày 01/8/2018 đến hết ngày 10/8/2018 (theo dấu chuyển đi của bưu điện nếu chuyển phát nhanh).

+ Đợt 3: từ ngày 13/8/2018 đến hết ngày 24/8/2018 (theo dấu chuyển đi của bưu điện nếu chuyển phát nhanh).

+ Các đợt tiếp theo (nếu có) phụ thuộc vào tình hình thực tế tuyển sinh, Nhà trường sẽ thông báo cụ thể trên Website của trường và các phương tiện thông tin đại chúng.

- Nộp hồ sơ bổ sung: Thí sinh chưa nộp đủ hồ sơ để xét tuyển điểm ghi trong học bạ theo quy định tại mục 2.7.2.3. của Đề án này phải nộp bổ sung đầy đủ về trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị, hạn đến hết ngày cuối của mỗi đợt xét tuyển (theo dấu chuyển đi của bưu điện nếu chuyển phát nhanh), nếu thí sinh không nộp hồ sơ bổ sung theo quy định thì không được tham gia xét tuyển.

- Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ: Phòng Đào tạo trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị, Km3, Quốc lộ 9, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Điện thoại: (0233) 3584741, (0233) 3580406, (0233) 3523469.

2.7.2.4. Xét tuyển và công bố kết quả

- Đợt 1: Xét tuyển và công bố kết quả trước ngày 05/08/2018.
- Đợt 2: Xét tuyển và công bố kết quả trước ngày 14/08/2018.
- Đợt 3: Xét tuyển và công bố kết quả trước ngày 28/8/2018.
- Các đợt tiếp theo (nếu có) phụ thuộc vào tình hình thực tế tuyển sinh, Nhà trường sẽ thông báo cụ thể trên Website của trường và các phương tiện thông tin đại chúng.

2.7.2.5. Quy trình xét tuyển

- **Bước 1:** Thành lập Hội đồng xét tuyển và các Ban/Tổ giúp việc.
- **Bước 2:** Tổng hợp hồ sơ thí sinh đăng ký xét tuyển, nhập dữ liệu vào hệ thống phần mềm quản lý.
- **Bước 3:** Thống kê các điều kiện xét tuyển, ưu tiên xét tuyển.
- **Bước 4:** Họp Hội đồng xét tuyển, thực hiện xét tuyển theo nguyên tắc như sau:

Tính điểm xét tuyển (ĐXT): $ĐXT = A + B$.

Trong đó:

A được tính như sau:

- Đối với ngành Giáo dục Mầm non, **A** là tổng điểm 3 môn gồm: điểm trung bình cả năm lớp 12 của môn Văn, Toán và điểm thi môn Đọc diễn cảm và hát. Đối với ngành Sư phạm Âm nhạc, **A** là tổng điểm 3 môn gồm: điểm trung bình cả năm lớp 12 của môn Văn hoặc của môn Toán, điểm thi 2 môn Thẩm âm – tiết tấu và Hát. Đối với ngành Sư phạm Mỹ thuật, **A** là tổng điểm của 3 môn gồm: điểm trung bình cả năm lớp 12 của môn Văn hoặc của môn Toán, điểm thi 2 môn Hình họa, Trang trí.

- Đối với các ngành Giáo dục Tiểu học, Sư phạm Tin học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Sinh học, Giáo dục Công dân, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Địa lý, Sư phạm Tiếng Anh: **A** là tổng điểm trung bình môn cả năm lớp 12 của 3 môn (được quy định theo từng ngành xét tuyển trong mục 2.6 của Đề án này).

B là tổng điểm ưu tiên, bao gồm ưu tiên đối tượng và khu vực theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy hiện hành của Bộ GD&ĐT.

+ Nguyên tắc xét tuyển

Lấy ĐXT từ cao xuống đến hết chỉ tiêu. Các thí sinh xét tuyển cao đẳng nhưng không trúng tuyển, Trường sẽ xét tuyển trung cấp nếu thí sinh có đăng ký nguyện vọng xét tuyển trung cấp. Tỷ lệ chỉ tiêu được quy định theo từng ngành xét tuyển trong mục 2.4 của Đề án này.

Đối với những thí sinh có cùng ĐXT thì xét thêm tiêu chí về kết quả xếp loại tốt nghiệp THPT và kết quả xếp loại hạnh kiểm.

- **Bước 5:** Tổng hợp và công bố kết quả xét tuyển.

2.7.2.6. Điểm ưu tiên

Thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy hiện hành của Bộ GD&ĐT.

2.7.2.7. Lệ phí tuyển sinh

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2.7.3. Thi tuyển sinh các môn năng khiếu

- Thí sinh dự tuyển vào các ngành Giáo dục Mầm non, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật (không phân biệt đăng ký xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia năm 2018 hay theo điểm ghi trong học bạ THPT) phải dự kỳ thi các môn năng khiếu do trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị tổ chức để lấy điểm các môn năng khiếu trong tổ hợp môn của ngành xét tuyển.

2.7.3.1. Hồ sơ đăng ký dự thi năng khiếu (ĐKDTNK) gồm có:

- 01 túi hồ sơ kích thước 20cmx30cm, có dán Phiếu ĐKDTNK ở mặt trước và 01 Phiếu ĐKDTNK (để trong bì hồ sơ);
- 02 ảnh 4x6 kiểu chứng minh thư, mới chụp chưa quá 6 tháng (mặt sau ghi rõ họ tên, ngày, tháng năm sinh);
- 02 bì thư có dán tem và ghi địa chỉ người nhận (trường sẽ dùng bì thư này để gửi Phiếu báo dự thi và kết quả thi cho thí sinh).

2.7.3.2. Thời gian nhận hồ sơ ĐKDTNK/ĐKSTNK:

+ Đợt 1: Từ ngày 09/4/2018 đến ngày 11/7/2018;

+ Đợt 2: Từ ngày 16/7/2018 đến ngày 27/7/2018 (Nếu còn chỉ tiêu);

+ Đợt 3: Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 10/8/2018 (Nếu còn chỉ tiêu);

+ Các đợt tiếp theo (nếu có) phụ thuộc vào tình hình thực tế tuyển sinh, Nhà trường sẽ thông báo cụ thể trên Website của trường và các phương tiện thông tin đại chúng.

2.7.3.3. Nơi nhận hồ sơ ĐKDTNK/ĐKSTNK:

Phòng Đào tạo, trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị;

Địa chỉ: Km3, Quốc lộ 9, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị;

Điện thoại: 0233.3584741, 0233.3580406, 0233.3523469.

2.7.3.4. Thời gian thi các môn năng khiếu:

+ Đợt 1: Ngày 12 tháng 7 năm 2018;

+ Đợt 2: Ngày 28 tháng 7 năm 2018 (Nếu còn chỉ tiêu);

+ Đợt 3: Ngày 11 tháng 8 năm 2018 (Nếu còn chỉ tiêu);

+ Các đợt tiếp theo (nếu có) phụ thuộc vào tình hình thực tế tuyển sinh, Nhà trường sẽ thông báo cụ thể trên Website của trường và các phương tiện thông tin đại chúng.

2.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

+ Lệ phí xét tuyển: 30.000 đồng/hồ sơ;

+ Lệ phí thi tuyển: 300.000 đồng/thí sinh.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

2.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

3. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm

3.1. Tuyển sinh bổ sung đợt 1:

Từ 05/8/2018 đến 13/8/2018

3.2. Tuyển sinh bổ sung đợt 2:

Từ 14/8/2018 đến 27/8/2018

Các đợt tuyển sinh bổ sung khác (nếu có) Nhà trường sẽ thông báo trên Website của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

4. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

4.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

4.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 10,6 ha;

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo tính trên một sinh viên chính quy (Hội trường, giảng đường, phòng

học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu, thư viện, trung tâm học liệu, trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập): 17,56 m²

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 492 chỗ (82 phòng)

4.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính
1	Phòng TN Vật lý đại cương	<ul style="list-style-type: none"> - Dụng cụ TN về các phép đo: chiều dài, khối lượng, thể tích,...; Vôn kế, ampe kế, hệ số tự cảm...; Tiêu cự, sóng âm; ...; Nhiệt kế,...; Lực kế... - Các dụng cụ TN đo hệ số nhớt. - Các dụng cụ TN đo vận tốc truyền âm. - Cầu Wheatstone - Khảo sát các hiện tượng Vật lý: đặc tuyến Điốt, đặc tuyến Tranzito, điốt quang, Lazer bán dẫn, nhiễu xạ qua khe hẹp, sóng dừng, RLC cộng hưởng, RLC bằng dao động kí.... - Dụng cụ TN về các định luật: Niuton, Joule-Thompson, Các ĐL nhiệt động lực học,... - Máy Atut - Nhiều dụng cụ để dạy học các phân môn: Cơ, điện, nhiệt, quang,... khác...
2	Phòng TN Vật lý phương pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Các bộ dạy học và thực hành Vật lý THCS: từ lớp 6 đến lớp 9. - Các bộ thực hành: cơ, điện nhiệt, quang với khá đầy đủ các dụng cụ. - Các mô hình máy: máy phát điện, động cơ,... - Các bộ biểu diễn Vật lý THCS. - Các bộ dạy học công nghệ lớp 8, lớp 9. - Các thiết bị máy móc khác...
3	Phòng TN Hóa học	<ul style="list-style-type: none"> - Các thiết bị, máy móc: máy ly tâm, máy khuấy từ, máy cất nước, máy so màu, đo độ mặn, lò nung, bộ lọc chân không,... - Các dụng cụ thí nghiệm: ống nghiệm, bình TN, pipet, phễu, đèn cồn,... - Các loại hóa chất phục vụ TN được bổ sung hàng năm đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập của SV.
4	Phòng TN Sinh học	<ul style="list-style-type: none"> - Các thiết bị, máy móc: lò nung, nồi hấp, kính hiển vi, kính lúp, máy đo độ sáng, âm thanh, dung tích,... - Các dụng cụ thí nghiệm: bộ dụng cụ TN động vật và người, bộ dụng cụ TN thực vật, bộ vi phẫu thuật, dao, kéo, panh, kẹp,... - Các mô hình dạy học giải phẫu sinh lý người và động vật. - Các tiêu bản: động vật, thực vật, nhiễm sắc thể, tế bào,... - Các dụng cụ phục vụ TN khác.

5	Phòng thực hành máy tính số 1	Máy vi tính (40 bộ), máy in, thiết bị chuyển mạch, camera an ninh, Thiết bị kiểm tra an ninh cầm tay, Projector, màn chiếu...
6	Phòng thực hành máy tính số 2	Máy vi tính (40 bộ), máy in, thiết bị chuyển mạch, camera an ninh, Thiết bị kiểm tra an ninh cầm tay, Projector, màn chiếu...
7	Phòng thực hành ứng dụng CNTT	Máy vi tính (38 bộ), máy in, thiết bị chuyển mạch, camera an ninh, Projector, màn chiếu...
8	Phòng máy chủ	Máy chủ (09 bộ), Thiết bị cân bằng tải (03 bộ), máy in, thiết bị chuyển mạch, camera an ninh, Đường truyền internet >75Mbps (02), Đường truyền internet 30Mbps (03)
9	Phòng thí nghiệm - thực hành Địa lý – Lịch sử	Mô hình cấu tạo núi lửa, Mô hình địa hình, Mô hình quả cầu nhỏ, Mô hình trái đất, Bản đồ Việt Nam (Tự nhiên + Kinh tế), Bản đồ thế giới (Khoáng sản + CT), Bản đồ các châu lục, Bản đồ các nước (KT + TN), Bản đồ lịch sử, Lược đồ lịch sử lớp 7, Bộ tranh về lịch sử VN, Bộ tranh về lịch sử TG, Hộp phục chế hiện vật cổ, Mô hình địa lý CN và BN, Mô hình bản đồ VN lắp ghép bằng gỗ, Mô hình về múi giờ, Đầu DVD+TV
10	Phòng thực hành dinh dưỡng (Giáo dục Mầm non)	Bếp ga, nồi cơm điện sharp, bếp nướng, nồi lẩu, máy xay sinh tố, máy đánh trứng mini, bộ xoong elegant, nồi áp suất nấu ga, bàn ăn inox, ghế tựa nhựa cho bàn ăn, bàn chữ nhật inox bỏ bếp ga. Ngoài ra còn có tô, chén, rổ, rá, xô, thìa, chậu và một số vật dụng khác ...
11	Phòng thí nghiệm - thực hành Giáo dục Tiểu học	Bản đồ địa lý tự nhiên, hành chính Việt Nam; Bình thí nghiệm về sự giãn nở vì nhiệt; Bộ chai ca và lít; Bộ chữ dạy tập viết; Bộ chữ học vần thực hành, biểu diễn; Bộ chữ viết mẫu tên riêng; Bộ đồ dùng học toán học sinh, thực hành, biểu diễn; Bộ dụng cụ cắt khâu, thêu; Các bộ lắp ghép mô hình kỹ thuật; các bộ mẫu tơ sợi; Bộ nhạc cụ gỗ; Bộ T.nghiệm dùng cho Giáo viên dạy mỹ thuật; các bộ tranh dạy: âm nhạc, đạo đức, kể chuyện, mỹ thuật, thể dục; địa lý, khoa học, lịch sử, tập làm văn, thủ công, thường thức, tự nhiên xã hội; các dụng cụ dạy học thể dục; các lược đồ: Bắc bộ và bắc trung bộ, chiến thắng Chi Lăng, kháng chiến chống quân Tống, phòng tuyến sông Như Nguyệt, Quang Trung đại phá quân Thanh; Mẫu chữ viết; Mẫu chữ viết; Mô hình Thái dương hệ; Nhiệt kế; các tuyển tập truyện tranh
12	Phòng thực hành âm nhạc	Đàn Piano cơ, đàn Piano điện, đàn Organ, máy Cassette
13	Phòng thực hành mỹ thuật	Giá vẽ, bảng vẽ, hộp màu, bục để tượng, đầu tượng các loại, các khối (chữ nhật, vuông, lục giác), các bộ phận cơ thể người, tượng toàn thân, tượng bán thân, phù điêu các loại, bục vẽ các loại.

4.1.3. Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1
	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	1
	Phòng học từ 50-100 chỗ	12

TT	Loại phòng	Số lượng
	Số phòng học dưới 50 chỗ	32
	Số phòng học đa phương tiện	25

4.1.4. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Khối ngành đào tạo/ Nhóm ngành	Số lượng
	Khối ngành/Nhóm ngành I	75.246
	Nhóm ngành II	
	Nhóm ngành III	3.521
	Nhóm ngành IV	
	Nhóm ngành V	5.025
	Nhóm ngành VI	
	Nhóm ngành VII	2.359

4.2. Danh sách giảng viên cơ hữu

Khối ngành/ ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/ TSKH	ThS	ĐH	CD
Khối ngành I						
<i>Ngành Giáo dục Mầm non</i>						
Nguyễn Huy Tuyền			X			
Nguyễn Thị Ngọc Hân				X		
Nguyễn Thị Trâm Ca				X		
Nguyễn Thị Diễm				X		
Trương Bùi Thùy Dương				X		
Nguyễn Thị Kim Thái				X		
Trần Thị Gái					X	
<i>Ngành Giáo dục Tiểu học</i>						
Nguyễn Xuân Bảo				X		
Trần Thị Thu Hà				X		
Nguyễn Thị Thanh Nga				X		
Võ Thị Thanh Ngân				X		

Khối ngành/ ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/ TSKH	ThS	ĐH	CD
Hoàng Ái Mỹ				X		
<i>Ngành Giáo dục Công dân</i>						
Nguyễn Thị Hồng Yến				X		
Vũ Thuý Ngọc				X		
Nguyễn Thị Thanh Hải				X		
Nguyễn Quang Đồng				X		
<i>Ngành Sư phạm Toán học</i>						
Nguyễn Thanh Long			X			
Hồ Xuân Thắng				X		
Nguyễn Văn Kiém				X		
Trần Quốc Minh				X		
Nguyễn Hữu Bút					X	
<i>Ngành Sư phạm Tin học</i>						
Hoàng Phước Lộc			X			
Lê Quốc Hải			X			
Cáp Xuân Tuấn				X		
Phan Chí Thành				X		
Nguyễn Thị Thanh				X		
Nguyễn Trương Trường				X		
Nguyễn Phong				X		
Huỳnh Thị Kim Ngân				X		
Nguyễn Thị Ánh Dương				X		
Lê Thị Kiều Nhi				X		
Nguyễn Thị Huyền					X	
<i>Ngành Sư phạm Vật lý</i>						
Đoàn Quốc Khoa			X			
Phạm Thị Hoài Thanh				X		
Cáp Kim Hoàng				X		
Phạm Văn Ánh					X	
Lê Thị Thanh Bình				X		
<i>Ngành Sư phạm Hóa học</i>						
Võ Văn Quân			X			
Hoàng Thị Lệ Hằng				X		
Bùi Thị Hoài Thu				X		
Phạm Thị Thuý Nhung				X		
<i>Ngành Sư phạm Sinh học</i>						
Trần Kim Việt				X		
Võ Thị Bích Thủy				X		

Khối ngành/ ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/ TSKH	ThS	ĐH	CD
Nguyễn Thị Nguyệt Ánh				X		
Nguyễn Thị Trường Thi				X		
<i>Ngành Sư phạm Ngữ văn</i>						
Nguyễn Hữu Thiệp				X		
Võ Văn Luyến				X		
Lương Thị Tố Uyên				X		
Lê Thị Phương				X		
<i>Ngành Sư phạm Lịch sử</i>						
Trần Thị Đào				X		
Phan Thị Hường				X		
Nguyễn Hoài Nam				X		
Nguyễn Thị Thuỳ Trang				X		
<i>Ngành Sư phạm Địa lý</i>						
Hồ Tùng Vĩnh				X		
Lê Anh Phi				X		
Hồ Nhân Bảo			X			
Trịnh Đình Hải				X		
<i>Ngành Sư phạm Tiếng Anh</i>						
Trương Đình Thăng			X			
Dương Thị Mỹ Lệ				X		
Trần Ngọc Hùng			X			
Nguyễn Thị Thu Lê				X		
Nguyễn Thị Xuân Lam				X		
<i>Ngành Sư phạm Âm nhạc</i>						
Nguyễn Xuân Vũ				X		
Hoàng Hữu Tân			X			
Nguyễn Văn Thâm				X		
Phạm Thị Thu Sương				X		
Lê Đình Trí					X	
Võ Văn Thương					X	
<i>Ngành Sư phạm Mỹ thuật</i>						
Lê Đức Quảng			X			
Trương Đình Dung				X		
Trương Đình Hoàng				X		
Nguyễn Thị Lệ Sương					X	
Nguyễn Thị Hoàng Thúy					X	
Nguyễn Thanh Thái					X	
Tổng của khối ngành			11	54	9	

Khối ngành/ ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/ TSKH	ThS	ĐH	CĐ
GV các môn chung						
Hoàng Thị Tâm				X		
Nguyễn Văn Diện				X		
Nguyễn Thanh Bình				X		
Đoàn Thị Hồng Hạnh					X	
Trương Anh Tuấn					X	
Lê Văn Ân				X		
Nguyễn Văn Sanh				X		
Hoàng Thị Thanh Dàn					X	
Hoàng Thị Thuý Tĩnh				X		
Võ Thị Quỳnh Nhi				X		
Nguyễn T. Diệu Hương					X	
Lê Thị Thu Hiền				X		
Nguyễn Thị Thu Hằng					X	
Võ Đình Phương				X		
Lê Thị Thu Hà				X		
Trần Hải				X		
Tổng của các môn chung			0	11	5	
Tổng số giảng viên toàn trường			11	65	14	

5. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh			Số SV/HS trúng tuyển nhập học			Số SV/HS tốt nghiệp			Trong đó số SV/HS tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng		
	ĐH	CDSP	TCSP	ĐH	CDSP	TCSP	ĐH	CDSP	TCSP	ĐH	CDSP	TCSP
Khối ngành/Nhóm ngành		700	400		643	421		562	329		331	131
Khối ngành II												
Khối ngành III												
Khối ngành IV												
Khối ngành V												
Khối ngành VI												
Khối ngành VII												
Tổng		700	400		643	421		562	329		331	131

6. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường 15.176.430.000 đồng ;
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 16.610.000 đồng.

Ngày 02 tháng 4 năm 2018
P. HIỆU TRƯỞNG - PHỤ TRÁCH

TS. TRƯƠNG ĐÌNH THẮNG